

**Đầu nối khí**  
**CRQSS-4**  
Số bộ phận: 164210

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                        | Giá trị                                                               |
|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| Kích thước                                      | Tiêu chuẩn                                                            |
| Chiều rộng định mức                             | 2.4 mm                                                                |
| Vị trí lắp đặt                                  | bất kỳ                                                                |
| Thiết kế                                        | Vách ngăn                                                             |
| Kích cỡ gói                                     | 1                                                                     |
| Cấu trúc xây dựng                               | Nguyên tắc đẩy-kéo                                                    |
| Áp suất vận hành của khoảng nhiệt độ hoàn chỉnh | -0.095 MPA...1 MPA<br>-0.95 bar...10 bar<br>-13.775 psi...145 psi     |
| Lưu ý về áp suất vận hành                       | Nước: tối đa 0,6 MPA ở tối đa 50 °C                                   |
| Môi chất vận hành                               | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:-:-]<br>Nước (chất lỏng, không có đá) |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển           | Có thể hoạt động bằng dầu                                             |
| Lớp chống ăn mòn KBK                            | 4 - ứng suất ăn mòn đặc biệt mạnh                                     |
| Tuân thủ LABS                                   | VDMA24364-B1/B2-L                                                     |
| Phù hợp với thực phẩm                           | xem thông tin tài liệu bổ sung                                        |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                  | -15 °C...120 °C                                                       |
| trọng lượng sản phẩm                            | 19 g                                                                  |
| Các cấp có thể sử dụng                          | PFAN                                                                  |
| Cổng nối khí nén 1                              | đối với ống mềm Ø ngoài 4 mm                                          |
| Cổng nối khí nén 2                              | đối với ống mềm bên ngoài Ø 4 mm                                      |
| Ghi chú vật liệu                                | Tuân thủ RoHS                                                         |
| Vật liệu vỏ                                     | thép hợp kim cao không gỉ                                             |
| Vật liệu vòng nhả                               | thép không gỉ hợp kim cao                                             |
| Vật liệu đai ốc                                 | thép hợp kim không gỉ                                                 |
| Vật liệu vòng đệm kín ống mềm                   | FPM                                                                   |
| Đoạn kẹp ống vật liệu                           | thép không gỉ hợp kim cao                                             |
| Vòng hỗ trợ vật liệu                            | thép không gỉ hợp kim cao                                             |